

ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Hà Triệu Huy¹

Tóm tắt: Vấn đề cải cách giáo dục là một trong đề tài được ưu tiên nghiên cứu trong thời gian gần đây khi Việt Nam đang tiến hành cuộc cải cách giáo dục cả về bề rộng và bề sâu. Những bài học lịch sử đóng vai trò quan trọng cho tương lai và điều này gợi nhắc về một phong trào cải cách giáo dục diễn ra đầu thế kỷ XX, đó là Đông Kinh Nghĩa Thực. Phong trào này là một cuộc cạnh tranh về văn hóa, giáo dục lớn trong lịch sử Việt Nam, đồng thời, đó là một cuộc vận động yêu nước và cách mạng tiêu biểu theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX; Đông Kinh Nghĩa Thực là một cuộc cải cách giáo dục theo xu hướng tiến bộ trong lịch sử Việt Nam (thể hiện trong triết lý giáo dục, nội dung chương trình và phương thức hoạt động...). Những bài học mà giáo dục Việt Nam hiện nay có thể học tập, đó là bài học về xây dựng triết lý giáo dục nhất quán, không ngừng đổi mới tư duy, phương pháp giảng dạy và đề cao tính dân tộc và nhân bản trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Từ khóa: Đông Kinh Nghĩa Thực, lịch sử Việt Nam, giáo dục Việt Nam, cải cách giáo dục.

1. MỞ ĐẦU

Giáo dục là một lĩnh vực khoa học để đào tạo con người về mặt nhận thức và hành động. Vấn đề đổi mới, cạnh tranh giáo dục luôn là một vấn đề cần thiết ở bất cứ thời đại nào trong lịch sử. Đầu thế kỷ XX ở Việt Nam, cùng với phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ, Đông Kinh Nghĩa Thực đã góp phần tạo nên một phong trào “thực học và thực nghiệp”, mang tinh thần chấn hưng văn hóa, giáo dục trên cả nước. Mặc dù chỉ tồn tại trong vòng 9 tháng, nhưng phong trào này đã quy tụ những tư tưởng mới về giáo dục, có sức lay động nền tảng nhận thức của nhân dân và để lại nhiều bài học kinh nghiệm về giáo dục cho các thế hệ đời sau. Đông Kinh Nghĩa Thực như một dấu gạch nối đương thời, nơi mà những cái cũ và cái mới hòa quyện vào nhau để chấn hưng sức mạnh dân tộc, hứa hẹn mở ra một thời đại mới cho dân tộc Việt Nam.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Bối cảnh lịch sử

Đầu thế kỷ XX, Đông Kinh Nghĩa Thực đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi mô hình Khánh Ứng Nghĩa Thực (慶應義塾大学) cuối thế kỷ XIX của Nhật Bản. Fukuzawa

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG.TP.Hồ Chí Minh, Email: hatrieuhuy97@gmail.com

Yukichi thành lập trường nhằm định hướng một nền giáo dục mới cho Nhật Bản, phát huy tối đa giá trị con người Nhật Bản thông qua mô hình giáo dục kiểu phương Tây, được mô phỏng theo mô hình của Đại học Harvard (Thâu, 2007, trang 7). Thành công của mô hình này và sự phát triển của Nhật Bản đã góp phần khai sáng tư tưởng mới của giới trí thức Việt Nam. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh là hai trí thức Việt Nam đã đọc được những bản điều trần và thấy được những nhu cầu cấp bách cần đổi mới giáo dục trong nước. Qua các Tân thư, Tân báo của Trung Quốc, hai chí sĩ đã biết và tiếp cận những giá trị tích cực của đường lối đổi mới của Nhật Bản thời kỳ này. Họ coi người Nhật Bản là người anh cả tiên phong cho Châu Á thức tỉnh. Năm 1905, Phan Bội Châu trở thành thủ lĩnh của phong trào Đông Du, và Phan Châu Trinh cũng đã lên đường sang Nhật Bản để tận mắt chứng kiến những thành tựu hiện đại của nền giáo dục Nhật Bản. Họ phát hiện ra rằng nhiều quốc gia cũng đã học hỏi được mô hình này của Nhật Bản.

Trước sự cổ vũ của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, Đông Kinh Nghĩa Thục được khởi xướng ở Hà Nội từ tháng 3 năm 1907 do những nhân sĩ, trí thức yêu nước có uy tín đương thời đề nghị nhà cầm quyền Pháp cho thành lập, tổ chức và hoạt động. Những nhân vật ấy bao gồm Lương Văn Can (Thục trưởng), Nguyễn Quyền (Giám học) và Lê Đại, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Kỳ, Dương Bá Trạc, Vũ Hoành. Các nhân sĩ, trí thức đã đặt tên trường là “Đông Kinh Nghĩa Thục” với ý nghĩa: Đông Kinh là tên kinh thành Thăng Long dưới thời Hồ Quý Ly, Nghĩa thực là trường dạy để làm đại nghĩa, vì đại nghĩa mà dạy người, không vì tiền, không thu học phí. Với danh nghĩa một trường tư thực, trường đặt trụ sở tại số 4 và số 10 phố Hàng Đào, Hà Nội. Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời nhằm các mục đích: Xây dựng một nền học thuật mới, một nền văn hóa mới, chuẩn bị thực lực cho công cuộc giải phóng dân tộc; phối hợp hoạt động với phong trào Đông Du và phong trào Duy Tân đang diễn ra sôi nổi.

2.2. Triết lý giáo dục

Đầu tiên, giá trị của Đông Kinh Nghĩa Thục nằm ở triết lý giáo dục mới mà phong trào này để lại. Đông Kinh Nghĩa Thục đã hiện thực hóa tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh: “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, hướng nền giáo dục nước nhà đến tính dân tộc đúng nghĩa và tính nhân dân rộng rãi. Đó là sự gập gờ của triết lý giáo dục, triết lý nhân sinh và triết lý chính trị. Triết lý giáo dục ở đây là một nền giáo dục mang tinh thần của chủ nghĩa yêu nước, giương cao ngọn cờ yêu nước thương nòi “Về vang dòng dõi con Rồng cháu Tiên”, hướng mục tiêu giáo dục đến một nền giáo dục thực học: “*Theo lý chung học là để có ích cho bản thân mình và cho quốc gia, xã hội. Có ba điều, một là học vệ sinh, tức là học phương pháp làm cho thân thể cường tráng, không bệnh tật; hai là học trị sinh, tức là học phương pháp làm cho có thức ăn, đồ mặc và quản lý sản nghiệp; ba là học làm người làm quốc dân. Đạt được ba điều ấy là cái học hữu dụng*” (Thâu, 2007,

trang 71-72)”. Thứ hai, phong trào đã mở ra một nền khoa học hiện đại, tiếp thu khoa học tự nhiên của phương Tây như thiên văn, địa lý, vật lý, hóa học vừa hiện đại hóa khoa học xã hội và nhân văn trên tinh thần vừa tiếp thu Nho học truyền thống và tiếp xúc với nền văn học mới, đó là sự kế thừa và tiếp thu các giá trị tốt đẹp của văn minh phương Đông và phương Tây, nhưng căn bản nhất vẫn là một nền giáo dục dân tộc, bởi lẽ “*giáo dục quốc dân thường phải tùy theo phong tục, tập quán, lịch sử, chính thể của từng nước, nên không giống nhau. Ở nước ta thì phải lấy trình độ giáo dục của nước ta làm chuẩn mà hoàn thiện tư cách quốc dân ta*” (Thâu, 2007, trang 71).”. Và hơn hết, nền giáo dục đó phải là một nền giáo dục hướng về đại chúng, “*Văn minh của quốc dân là căn cứ vào mọi người trong nước mà nói, không phải chỉ cử ra một vài người mà cho là đủ. Làm cho cả nước văn minh thì phải có giáo dục phổ cập. Giáo dục phổ cập là cả nước không một người nào không được đi học*” (Thâu, 2007, trang 72)”.

Các nhân sĩ yêu nước cho rằng “*Ngày nay chỉ riêng cái thuyết mệnh trời cũng đủ làm cản trở ý chí cạnh tranh của quốc dân ta. Mệnh là cái không đến mà lại đến. Người quân tử tri mệnh là biết không thể tránh được điều hại, không thể hưởng được điều lợi, nhưng cái đáng làm thì cứ làm. Cho nên tri mệnh là để khuyên lập chí, dầu biết rằng người không có chí thì khi gặp việc là cầu trời khẩn trời giúp cho, hòng việc lại đổ cho trời hại*” (Vũ Văn Sach, 1997, trang 62)”. Họ khẳng định “*nền giáo dục mới phải là một nền giáo dục yêu nước thương nòi, dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa, hướng tới mục tiêu khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, làm cơ sở cho việc thực hiện hai mục tiêu tối hậu gắn chặt với nhau là chấn hưng, hiện đại hóa đất nước và khôi phục chủ quyền quốc gia - dân tộc*” (Tung, 2008, trang 286).” Để đạt được mục tiêu này, tư tưởng yêu nước là trung quân đã được chuyển sang thành tư tưởng chống tư tưởng phong kiến đã lỗi thời đi đôi với việc giáo dục quần chúng bằng đầy mạnh học chữ, trong đó dạy chữ Quốc ngữ là chính, bên cạnh đó dạy thêm Hán văn và Pháp văn với mục đích nâng cao trình độ dân trí cho toàn thể quần chúng nhân dân. Trên quan điểm đó, phong trào Đông Kinh nghĩa thực chủ trương xây dựng nền giáo dục quốc dân, “*đường lối giáo dục quốc dân là làm rõ cái lí tương quan giữa nước với dân, cho dân biết họ có vị trí, chức phận ra sao và làm thế nào để gây ý thức ái quốc ái quần, bồi dưỡng tài năng tự trị tự lập. Một nước không có giáo dục quốc dân thì trăm họ u mê, không biết quốc gia, chính trị là gì*” (Vũ Văn Sach, 1997, trang 46)”. Trên tinh thần đó, tư tưởng canh tân trong giáo dục của phong trào Đông Kinh nghĩa thực đã có mục đích rõ ràng và đối tượng giáo dục phong phú vượt xa đối tượng giáo dục của Nho giáo cuối thời nhà Nguyễn.

Như vậy, triết lý giáo dục mà Đông Kinh Nghĩa Thực gửi gắm đến hậu thế đó là một nền giáo dục dân tộc, vừa tiếp thu văn hóa Đông – Tây, vừa hướng về đại chúng. Đây là một quan điểm rất mới trong tư tưởng giáo dục Việt Nam bởi lẽ trước đây, triết lý giáo

dục Việt Nam rất mơ hồ và nội hàm chỉ xoay quanh vấn đề trung quân ái quốc và giáo dục chỉ phục vụ cho tầng lớp trên. Triết lý giáo dục mới của Đông Kinh Nghĩa Thục là bước đầu cho một nền giáo dục hiện đại. Điểm đầu tiên của triết lý đó là đề cao tinh thần dân tộc. Đây là nội dung quan trọng nhất của triết lý, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang bị thực dân Pháp xâm lược, vấn đề dân tộc trở thành một giá trị cốt lõi, như một chân kiềng vững chắc cho giáo dục mới của dân tộc. Bên cạnh đó, tư tưởng giáo dục lúc này chuyển từ yêu nước trung quân sang tư tưởng học để mở mang dân trí, hướng đến một con người được giáo dục toàn diện ở mọi ngành khoa học. Người học thoát khỏi lối học tầm chương trích cú để học những môn khoa học hiện đại, thiết thực cho đất nước. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục này đã song hành cùng với triết lý nhân sinh sâu sắc, đó là hướng về quần chúng nhân dân, thức tỉnh họ trước vận mệnh đất nước, chấn hưng đất nước từ nội lực từ nhân dân chứ không còn hướng về tầng lớp trên nữa. Chủ nghĩa yêu nước gắn liền với tư tưởng dân chủ mới đã tạo thành một triết lý chính trị đặc sắc cho dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX, đó là sự giao lưu, tiếp biến giữa nền giáo dục cũ và nền giáo dục Tân học, tôn trọng và phát huy tính tích cực của nền văn hóa nước nhà. Về tổng thể, Đông Kinh Nghĩa Thục không còn gói gọn trong một trường học mà thực chất là cả một phong trào cách mạng yêu nước, cải cách giáo dục mà thực chất là đã cổ vũ phong trào Duy tân trên cả nước, nhằm mục đích giải phóng xã hội và dân tộc khỏi ách phong kiến thực dân.

2.3. Chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục

Trước hết, xu hướng tiến bộ của Đông Kinh nghĩa thực được thể hiện trong nội dung chương trình và phương thức hoạt động của phong trào. Các nhà nho yêu nước đã bước đầu chỉ ra những hạn chế của giáo dục Nho học trong bối cảnh lịch sử mới. Các hoạt động giảng dạy và hoạt động ngoại khoá của Đông Kinh Nghĩa thực kịch liệt phản đối những người sùng bái Nho học, nhấn mạnh vào sự thay đổi tư duy sáng tạo, đề cao tinh thần yêu nước đi đôi với tinh thần nhân bản; *về mặt xã hội*, đã phá tư tưởng thiên mệnh của Nho giáo, lên án những phong tục tập quán lạc hậu; và *về kinh tế*, kêu gọi chấn hưng thực nghiệp, bỏ vốn mở mang công nghệ, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và khai mỏ mà tiêu biểu nhất là tư tưởng của Lương Văn Can, “*đánh đổ tư tưởng hủ lậu của phái nhà nho bảo thủ và trang bị cho học sinh một ít tư tưởng mới về khoa học tự nhiên, về văn học, về chính trị, về đạo đức công dân, đặc biệt là về tinh thần yêu nước* (Mai, 1974, trang 73)”. Cơ sở nền tảng tư tưởng này đã giúp phong trào Đông Kinh nghĩa thực định hướng được mục tiêu và phương pháp hoạt động và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Cụ thể, phong trào đã dùng văn tự của Việt Nam; hiệu đính sách vở chú trọng đến thực tại đất nước; thay đổi cách thi cử bằng cách bỏ lối văn biền ngẫu cũ, chỉ thi Quốc ngữ và Toán pháp; lấy người học làm trung tâm, khuyến khích tinh thần tự do thảo luận

của người học. Trước nhu cầu tiếp thu những kiến thức khoa học trên thế giới để áp dụng vào giáo dục Việt Nam, cũng như việc cần thiết để thiết lập một nền giáo dục đại chúng, chữ quốc ngữ trở thành phương tiện truyền đạt kiến thức ưu việt, vì nó có “*khả năng biểu thị một cách dễ dàng, chính xác bất kì âm thanh nào của tiếng Việt*” (Yên, 2002, trang 250). Các sĩ phu cấp tiến thời đó cho rằng: “*Chỉ có chữ Quốc ngữ và môn Quốc văn mới có thể dùng làm lợi khí sắc bén nhất, phổ thông nhất trong việc mở mang dân trí, giáo dục quần chúng để đưa quốc gia tiến kịp theo đà văn minh của nhân loại trên thế giới*” (Hân, 1973, trang 156). Như vậy, nếu như các nhà truyền giáo phương Tây là người mang chữ quốc ngữ tới cho Việt Nam thì phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục chính là tổ chức thúc đẩy sự phát triển của chữ quốc ngữ như một hình thức văn tự mới để nó trở thành văn tự chính của Tiếng Việt hiện nay.

Bên cạnh đó, phương pháp dạy học của phong trào có nhiều điểm tiến bộ. Phương pháp giảng dạy tích cực như lấy người học làm trọng tâm đã được áp dụng ngay từ thời điểm này. Người thầy đóng vai trò là người mang tới tri thức nhưng học trò mới là đối tượng trung tâm để nhận biết tri thức. Người thầy cũng không ngừng đặt câu hỏi và tự đưa ra những quan điểm cá nhân thông qua các hoạt động như giảng sách, đọc báo, bình văn, diễn thuyết và những buổi ngoại khóa nói chuyện thời sự hoặc khoa học nhằm khơi dậy tài năng, óc sáng tạo, kích thích bầu nhiệt huyết của người học, “*cho phép học trò bàn bạc tha hồ, không phải nề hà, không cần thể cách gì hết. Rồi thêm vào đó mấy bài về toán Pháp, về chữ Quốc ngữ để cho cái mà học sinh học và thi không trái ngược với việc họ thực phải làm*” (Thâu, 2007, trang 123). Đặc biệt, phương pháp diễn thuyết được coi là một phương pháp giáo dục hết sức mới mẻ chưa từng có trong giáo dục Việt Nam thời đó. Với phương pháp này thì thầy và trò được thảo luận hết sức tự do, sôi nổi, khơi gợi được khả năng tư duy, sáng tạo đối với người học. Phương pháp này ghi nhận sự tiến bộ, dân chủ trong học tập và giảng dạy, khác hoàn toàn với giáo dục một chiều của thời Nho học.

Về tổ chức quản lý, Đông Kinh Nghĩa thực là trường học đầu tiên ở Việt Nam có sự chuyên biệt về các bộ phận. Nhà trường đã lập ra bốn ban chuyên trách: *Ban Giáo dục* phụ trách tuyển sinh và dạy học; *Ban Cổ động* chịu trách nhiệm cho hoạt động bình văn, diễn thuyết; *Ban Trước tác* biên soạn tài liệu tuyên truyền và giảng dạy; *Ban Tài chính* chịu trách nhiệm kinh phí và thu chi. Nhân sự của tổ chức là 27 người. Những người tham gia quản lý đều là những nhà nho yêu nước tiêu biểu, có trình độ học vấn, có uy tín trong quần chúng nhân dân. Nguồn tài chính là tiền đóng góp tùy tâm của các sáng lập viên, các “thường trợ hội viên” (người có con em theo học) và các “lạc trợ hội viên” (người hảo tâm ở bên ngoài); trường sẽ trích một khoản tiền nhỏ để thù lao cho giáo viên. Địa bàn hoạt động của trường học bao gồm 4 phân hiệu tại Hà Đông, Sơn Tây, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định. Việc mở rộng địa bàn hoạt động của phong trào đã cho

thấy nỗ lực trong việc mở rộng mô hình tân học ở các vùng lân cận, tạo điều kiện cho mọi học sinh đều có cơ hội được tiếp cận với mô hình giáo dục mới.

Về chương trình đào tạo, nhà trường chia làm 8 lớp, và phân ra hai cấp tiểu học – trung học phụ thuộc vào nhu cầu học và trình độ của học sinh. Học phí và đồ dùng học tập được trang bị miễn phí. Học sinh đóng thêm học phí cho các môn Tiếng Pháp. Các lớp đều được mở cho người học có nhu cầu. Nội dung giáo dục gồm dạy chữ quốc ngữ, chữ Pháp, chữ Hán; các môn về xã hội gồm Lịch sử, Địa lý, Luân lý; và các môn tự nhiên gồm Cách trí, Vệ sinh, Toán pháp. Các hoạt động ngoại khoá như bình văn, đọc báo, diễn thuyết được đẩy mạnh. Nội dung của các buổi hoạt động ngoại khóa là cổ vũ lối học mới, phê phán lối học, lối tư duy thủ cựu và tuyên truyền, giáo dục về lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Cơ quan ngôn luận của trường là *Đăng Cổ Tùng Báo* do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút phần quốc văn, và *Đại Việt Tân Báo* do Đào Nguyên Phổ làm chủ bút. Xuất bản các sách: *Quốc dân độc bản*, *Cải lương nông học quốc sử giáo khoa thư*, *Nam Quốc giai sự truyện*, *Nam Quốc vĩ nhân*, *Tân đính luân lý giáo khoa thư*, *Nam Quốc lịch sử*, *Nam Quốc địa dư*... Bên cạnh các hoạt động chính, Đông Kinh Nghĩa thực còn khuyến khích các hội viên xúc tiến hàng loạt hoạt động kinh doanh, cổ vũ mô hình thực nghiệp. Tại Hà Nội, Đỗ Cơ Quang mở hiệu buôn *Đồng Lợi Tế* ở phố Mã Mây (Hà Nội) chuyên bán hàng nội hoá, rồi cùng Vũ Hoành tổ chức hiệu thuốc Bắc *Tụy Phương* ở gần ga Hàng Cỏ. Hoàng Tăng Bí và Nguyễn Quyền lập *Công ty Đông Thành Xương* ở phố Hàng Gai, vừa bán tạp hoá vừa làm công nghệ như dệt xuyên hoa đại đoá, ướp trà, rồi lại lập *Quảng Nam Hiệp thương Công ty*. Nguyễn Quyền lập hiệu *Hồng Tân Hưng* ở Hàng Bồ buôn bán và làm đồ sơn (Hiếu, 2004, trang 24). Như vậy, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thực không chỉ là một cuộc cải cách về giáo dục mà nó còn mở đầu cho những cải cách về kinh tế, đưa mô hình thực nghiệp, hướng nghiệp cho học sinh qua những hành động thực tiễn, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Nói như Đặng Thai Mai, phong trào đã “đánh đổ tư tưởng hủ lậu của phái nhà nho bảo thủ và trang bị cho học sinh một ít tư tưởng mới về khoa học tự nhiên, về văn học, về chính trị, về đạo đức công dân, đặc biệt là về tinh thần yêu nước (Mai, 1974, trang 73)”.

Sự xuất hiện của Đông Kinh nghĩa thực là một trong những cuộc cải cách lớn trên lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam thời cận đại vì sức lan tỏa, nhanh chóng trở thành một phong trào rộng lớn, chủ trương đưa dân chủ, văn minh phương Tây thay cho kinh điển Nho gia để chuyển đổi giáo dục quốc dân, chấn hưng công nghệ và canh tân đất nước. Bằng việc sáng tạo trong công tác quản lý, tổ chức giáo dục, tiến hành thiết kế nội dung giảng dạy phù hợp với những nhu cầu bức thiết của dân tộc, lại tổ chức ở ngay Hà Nội – trung tâm văn hóa của cả nước, là nơi chính quyền thực dân Pháp đặt cơ quan Trung ương, nơi có tầng lớp sĩ phu Bắc Hà đã thức thời trước vận mệnh của dân tộc, có truyền

thống yêu nước và hiếu học lâu đời, không chấp nhận nền giáo dục Nho học già cỗi đã đứng bên bờ vực suy yếu. Chính vì thế, sức lan tỏa của Đông Kinh Nghĩa Thục và tác động của nó đã thúc đẩy phong trào Duy Tân trên cả nước, phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ và khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám có sự phối hợp nhịp nhàng, tạo nên một phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầy sôi động trên cả nước đầu thế kỷ XX.

2.4. Những gợi mở cho giáo dục Việt Nam hiện đại

Mặc dù tồn tại trong khoảng thời gian ngắn nhưng di sản của Đông Kinh Nghĩa Thục đã để lại rất nhiều bài học cho hậu thế mai sau, nhất là trên lĩnh vực xây dựng nền văn hóa - giáo dục tiên tiến hiện đại trong thời kỳ Đổi mới hôm nay. Chúng ta có thể thấy rằng, trong thời gian gần đây, những bất cập trong ngành giáo dục Việt Nam đang xảy ra ngày một nhiều. Đó là sự lúng túng trong việc xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam, vấn đề biên soạn sách giáo khoa, hình thức thi cử, tình trạng gian lận trong thi cử, đạo đức nhà giáo đang ngày một xuống cấp. Có thể nói, giáo dục Việt Nam đang tìm cách xoay xở để gỡ rối cho những bất cập hiện nay. Việc quay lại với những giá trị mà phong trào Đông Kinh nghĩa thực để lại vẫn còn nguyên giá trị cho cải cách giáo dục thời kỳ Đổi mới hôm nay.

Một là phải xây dựng một triết lý giáo dục với một tuyên ngôn ngắn gọn, súc tích, cô đọng và coi đó là hệ quy chiếu cho những bước đi của giáo dục Việt Nam thời hiện đại. Đối với một nền giáo dục, triết lý giáo dục có sự tác động mạnh mẽ ở cả tầm vĩ mô lẫn vi mô, cụ thể qua việc định hướng cho những chính sách, chiến lược, dự án,... để quản lý giáo dục; triết lý giáo dục cũng quy định mục tiêu, nội dung chuyên môn, phương pháp và việc tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục trong chương trình học và giảng dạy. Bên cạnh đó, với chức năng định hướng, động lực và cải tạo, triết lý giáo dục là một nhân tố không thể thiếu trong việc định hình cho sự vận động của cả một hệ thống giáo dục. Triết lý giáo dục Việt Nam phải được quy tụ bởi những giá trị tinh hoa, cốt lõi của giáo dục truyền thống dân tộc Việt Nam, vừa phải tiếp thu những giá trị khai phóng, cởi mở tư duy của lối học phương Tây, nhưng cũng giống như Đông Kinh nghĩa thực đã làm, chúng ta không được hòa nhập mà bị hòa tan, vẫn phải lấy tinh thần dân tộc, đề cao nhân bản là giá trị bề sâu cho triết lý giáo dục nước nhà. Hiện nay, Việt Nam chưa có một triết lý giáo dục thống nhất, nhất quán, xuyên suốt trong một thời gian dài, mà chỉ có những tư tưởng, những quan điểm, phương hướng, chính sách nhằm giải quyết các vấn đề được đặt ra trong những bối cảnh khác nhau, nhất là khi hệ thống giáo dục có nhiều vấn đề bất cập. Hay nói cách khác, triết lý giáo dục Việt Nam còn khá tản mạn, chưa rõ ràng và chưa được tập trung vào một luận điểm cụ thể. Giáo dục Việt Nam là phải thống nhất lại một triết lý giáo dục hoàn chỉnh. Triết lý đó phải được xây dựng dựa trên việc nghiên cứu kỹ lưỡng của triết học giáo dục, phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, và phù hợp với công

cuộc đổi mới, cải cách giáo dục ở Việt Nam. Công việc này đòi hỏi phải được đầu tư một cách nghiêm túc, bởi lẽ nó ảnh hưởng đến sự phát triển và đến tương lai của đất nước. Nếu cứ tiếp tục tình trạng hiện giờ, khó ai có thể phủ nhận sự tụt hậu của hệ thống giáo dục Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Hai là, giáo dục Việt Nam nằm trong giáo dục thế giới. Trong khi giáo dục thế giới không ngừng thay đổi, Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế cần nhanh chóng tiếp thu những phương pháp khoa giáo, kỹ thuật giảng dạy hiện đại trên thế giới để đổi mới giáo dục nước nhà, không ngừng đổi mới tư duy, tích cực và chủ động để tránh làm cho nền giáo dục quốc dân trở nên lạc hậu, chậm chạp so với các nước bạn trên thế giới. Thêm vào đó, giáo dục Việt Nam cần xây dựng nội dung giáo dục đáp ứng được nhu cầu của xã hội, phải xây dựng nội dung giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, trước hết là bắt đầu từ việc đổi mới tư duy và phương pháp giảng dạy. Điều đó bắt nguồn từ việc thiết kế lại chương trình sách giáo khoa, giáo trình và thay đổi phương pháp giáo dục ở mọi cấp học. Đó là xây dựng một nền giáo dục hiện đại, hướng về đại chúng, tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới trên nền tảng văn hóa – giáo dục của dân tộc. Đông Kinh Nghĩa Thục đã gắn chặt những vấn đề lý luận với thực tiễn “thực học”, gắn tri thức với cuộc sống. Gắn việc dạy chữ với dạy người, dạy nghề, gắn với việc khơi gợi tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, giúp người học trở thành người có lòng yêu nước chân chính, bồi dưỡng thể lực và trí thức, khởi xướng nhiều môn học có tính thực tiễn của khoa học tự nhiên và xã hội, khuyến khích khởi nghiệp, mục đích đào tạo ra những sản phẩm ưu việt, đẩy mạnh và chấn hưng kinh tế dân tộc, mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Thực tế hiện nay cho thấy, mặc dù những phương pháp giáo dục mới như “coi người học làm trung tâm”, đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng khoa học kỹ thuật vào giảng dạy và học tập nhưng việc áp dụng này còn chưa đồng bộ. Học sinh, sinh viên Việt Nam nhìn chung còn thụ động trong học tập và nghiên cứu do bị lý luận chi phối, phụ thuộc quá nhiều vào sách vở mà thiếu đi tính thực dụng, thực tiễn. Nhiệm vụ của giáo dục Việt Nam hiện nay là phải tạo một môi trường cho học sinh, sinh viên được đi vào thực tiễn, cởi bỏ lối tư duy chủ quan, duy ý chí, xơ cứng. Phải coi học sinh, sinh viên là trung tâm, là mục tiêu chính mà giáo dục hiện đại hướng tới, phát huy năng lực của mỗi cá nhân. Trong đó, trách nhiệm cũng như khả năng nhận thức của người thầy đóng vai trò rất quan trọng trong phong trào cải cách giáo dục, đó là vai trò của những nhà nho, trí thức đương thời như Lương Văn Can, Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền. Sứ mạng của người thầy là tiếp tục coi học sinh, sinh viên là đối tượng trung tâm trong công tác giảng dạy. Người thầy phải không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm để học sinh được thụ hưởng toàn bộ những giá trị tích cực mà nền giáo dục quốc dân mang lại.

Ba là, nền giáo dục Việt Nam tiếp tục đề cao tính nhân bản, tính dân tộc khai phóng, đa văn hóa như tinh thần đề cao tính nhân văn của Đông Kinh nghĩa thực. Nhân bản ở đây chính là nhân quyền, là dân quyền, tức là nền giáo dục hướng tới đáp ứng quyền con người được giáo dục và phát triển toàn diện về nhân cách, phẩm chất. Hiện nay, nền giáo dục Việt Nam là một nền giáo dục nhân bản với giá trị nhân bản của con người xã hội chủ nghĩa, coi trọng những giá trị tiến bộ của con người, coi sự phát triển toàn diện của con người là mục tiêu của giáo dục hiện đại. Đây chính là một sự vận dụng kinh nghiệm hiệu quả của Việt Nam từ phong trào Đông Kinh nghĩa thực. Việc nâng cao dân trí, khơi gợi giá trị nhân văn, nhân ái là một đặc điểm trong tính cách của con người Việt Nam. Nó được hòa với tư tưởng dân chủ trong thời đại mới đã được phát huy, vượt qua mọi thử thách và giới hạn của thời đại và bản thân mỗi người để trở thành một phong trào truyền bá tư tưởng, tri thức sâu rộng trong quần chúng nhân dân, khơi gợi lòng yêu nước, ý thức dân tộc, chú trọng giáo dục nhân cách đạo đức, hướng đến phương châm đề cao tự lực cánh sinh, mang tính quần chúng rộng lớn, thể hiện một sự tiến bộ về chất. Giáo dục Việt Nam hiện nay còn mở rộng quan niệm này, hướng tới tính khai phóng và đa văn hóa, đa dạng bản sắc dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với giáo dục quốc dân. Những giá trị văn hóa mà phong trào Đông Kinh nghĩa thực để lại, nhất là về tính dân tộc, lòng yêu nước, ý chí tự cường tiếp tục trở thành một triết lý giáo dục quan trọng để định hướng giáo dục quốc dân bên cạnh việc vận dụng phương pháp giáo dục tiến bộ của thế giới nhưng không được làm mất đi tính dân tộc, tính nhân bản cốt lõi của người Việt Nam. Có thể nói, phong trào Đông Kinh nghĩa thực đã để lại một nền tảng lý luận về xây dựng một xã hội theo đường lối duy tân, cải cách toàn diện xã hội một cách hòa bình, công khai, hợp pháp. Tư tưởng canh tân trong giáo dục hướng tới việc hoàn thiện một nền giáo dục mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, ta có thể nói rằng, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thực là một trong những cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam trên lĩnh vực giáo dục, là một dấu gạch nối giữa giáo dục Việt Nam: truyền thống và hiện đại, trong đó những yếu tố tích cực của cái cũ không hề bị phủ định mà được tiếp biến với những cái mới trên nền tảng ý thức dân tộc tự cường. Mặc dù tồn tại trong thời gian chưa đầy một năm nhưng thực sự phong trào Đông Kinh Nghĩa Thực đã chứng tỏ con đường cách mạng Việt Nam đã đi vào quỹ đạo của con đường duy tân cải cách đang là xu hướng chính trong phong trào “Châu Á thức tỉnh”, tiếp thu văn minh phương Tây, dùng biện pháp giáo dục quốc dân để nâng cao dân trí, cải cách xã hội, tiến tới thực hiện dân giàu nước mạnh. Cuộc cải cách giáo dục do Đông Kinh Nghĩa Thực tiến hành đã viết nên một trang sáng ngời trong lịch sử giáo dục nước ta, để lại nhiều triết lý giáo dục vẫn còn tươi nguyên giá trị lý luận trong thời đại

hôm nay. Việc nhìn nhận và đánh giá khách quan những đóng góp từ quá khứ là rất quan trọng, cần thiết để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện cho các giai đoạn tiếp theo của lịch sử giáo dục Việt Nam./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hân, V. (1973), *Văn học Việt Nam thế kỉ XIX - tiền bán thế kỉ XX (1800 - 1945)*, Sài Gòn: Nxb. Khai Trí.
2. Hiều, L. T. (2004), *Hậu thế nhìn về Lương Văn Can*, Tạp chí Xưa và Nay (214).
3. Mai, Đ. T. (1974), *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Hà Nội: Nxb. Văn học.
4. Thâu, C. (2007), *Đông Kinh Nghĩa Thục và văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục*, Hà Nội: Nxb. Đông Tây.
5. Tung, P. H. (2008), *Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị*, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Vũ Văn Sạch, V. T. (1997), *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục*, Hà Nội: Nxb. Văn Hóa.
7. Yên, T. H. (2002), *Nhìn lại văn học Việt Nam thế kỉ XX*, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

TONKIN FREE SCHOOL – A PERSPECTIVE OF EDUCATIONAL REFORM

Ha Trieu Huy

Abstract: Recently, education reform has been one of the topics that have been prioritized for research because Vietnam is widely and deeply implementing education reform. Historical lessons play an important role for this reform and it dated back to Tonkin Free School in the early 20th century in Vietnam. This movement aims at a rational educational reform and cultural renewal in Vietnamese history. Also, it typifies patriotic and revolutionary movement following the bourgeois democratic trend in Vietnam. New issues of this school shows in educational philosophy, training curriculum, and pedagogical methods. Thus contemporary Vietnamese education can apply these historical values on building a consistent educational philosophy, changing teaching methods, and upholding nationalism and humanity in education in the context of globalization.

Keywords: Tonkin Free School, Vietnamese history, Vietnam's education, educational reform.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-8-2022; ngày phản biện đánh giá: 19-9-2022; ngày chấp nhận đăng: 09-10-2022)